

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC

Số: 15/2024/CV-DTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 17 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

- Mã chứng khoán: DTL
- Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại liên hệ: 0274.3719999. Fax: 0274.3849111
- E-mail: sales@daithienloc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

+ Báo cáo thường niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/04/2024 tại đường dẫn: www.daithienloc.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

NGUYỄN THANH NGHĨA

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/BC-DTL/2024

Bình Dương, ngày 17 tháng 04 năm 2024

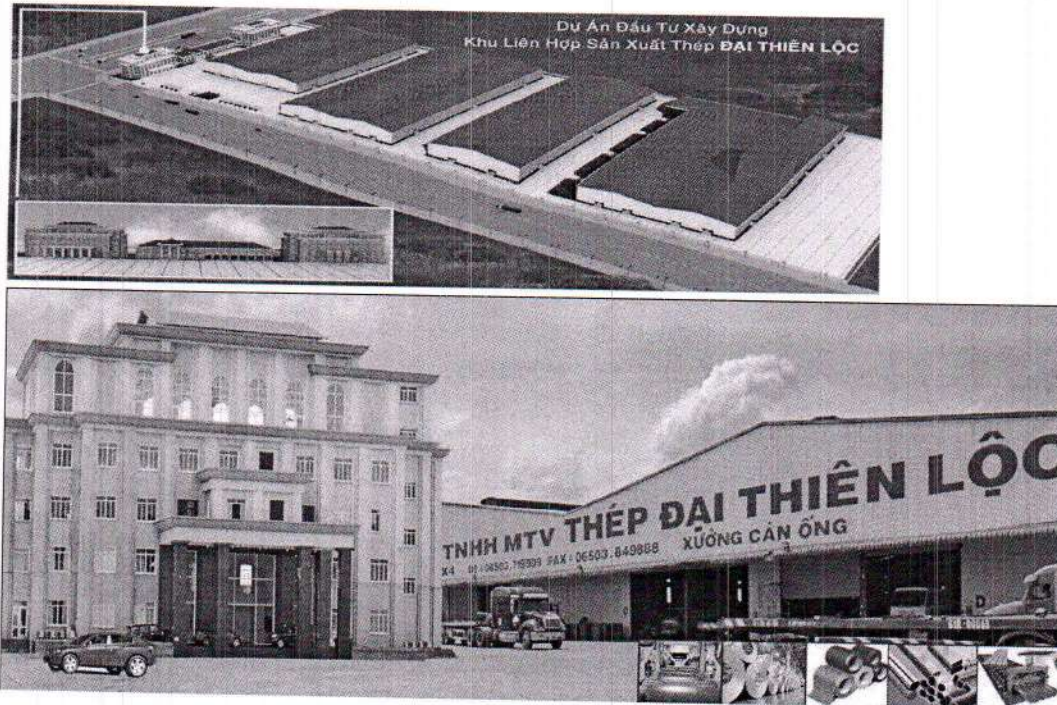
**BÁO CÁO
Thường niên năm 2023**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng khoán TP.HCM

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**
- Tên tiếng anh: DAI THIEN LOC CORPORATION
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700381282
- Vốn điều lệ: 614.356.040.000VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.064.369.651.044VND
- Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: 0274.3719999/1800.1149
- Số fax: 0274.3849111
- Website: www.daithienloc.com.vn
- Mã cổ phiếu: DTL



Toàn cảnh Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, Bình Dương (diện tích đất 105.285m²) và tòa nhà văn phòng - Trụ sở chính của Công ty Cổ Phần Đại Thiên Lộc

- Quá trình hình thành và phát triển:

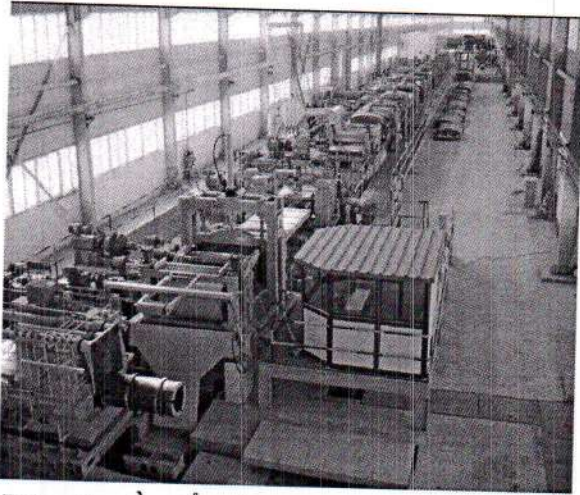
11/07/2001 Thành lập Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4602000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/07/2001). Với số vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng và đội ngũ nhân viên 30 người, công ty chuyên kinh doanh thép cán nóng, cán nguội; thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm - kẽm, mạ màu; thép tấm; thép hình; xà gồ thép; thép xây dựng v.v...

Tháng 03/2003 Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương.

Sản phẩm tôn kẽm Đại Thiên Lộc có chất lượng ổn định, giá cả cạnh tranh nên được khách hàng ưa chuộng. Đơn đặt mua hàng không ngừng gia tăng. Dây chuyền mạ kẽm chạy 100% công suất vẫn không sản xuất đủ lượng hàng cung cấp cho thị trường nên công ty quyết định tăng vốn và đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước

12/04/2007 Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4603000334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 12/04/2007). Thực sự hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ tháng 01/06/2007.

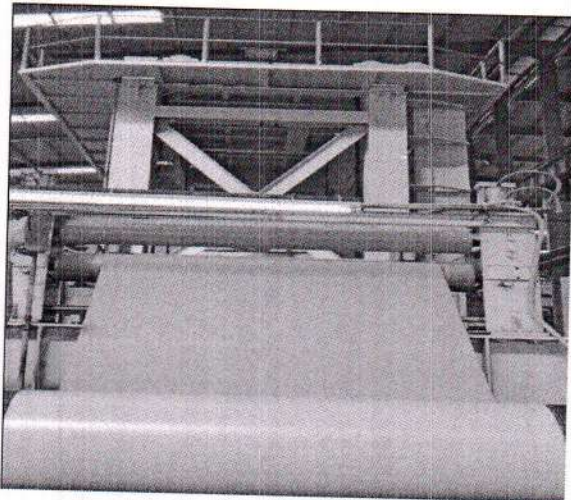
Tháng 06/2008	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
22/12/2008	Thành lập 3 công ty con chuyên sản xuất và kinh doanh thép
23/12/2008	Thành lập Khu liên hợp Sản xuất Thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương với diện tích đất 105.285m ² (Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/12/2008) <i>Năm 2008 xảy ra khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kéo dài đến tận cuối năm 2009. Trong khoảng thời gian này, công ty đầu tư nhỏ giọt nên tiến độ thực hiện Dự án chậm so với kế hoạch. Sang đầu năm 2010, khi nền kinh tế dần dần hồi phục thì công ty mới đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án</i>
04/06/2010	Niêm yết 38,8 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.
Tháng 08/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ hai)
Tháng 10/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền xả băng, công suất 60.000 tấn/năm
Tháng 11/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động 04 dây chuyền sản xuất ống thép với tổng công suất 30.000 tấn/năm
Tháng 12/2011	Lắp ráp hoàn chỉnh và chạy thử thành công các dây chuyền : dây chuyền tẩy rửa, dây chuyền thép lá cán nguội 12 trục
Tháng 04/2012	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm số 01
Tháng 12/2012	Lắp ráp hoàn chỉnh dây chuyền thép lá cán nguội 06 trục
Tháng 12/2016	Bắt đầu đầu tư dự án mới 2017 với việc lắp ráp lần lượt 04 dây chuyền cán ống (/ tổng số 10 dây chuyền).
Tháng 12/2017	Dây chuyền cán nguội 4 lắp ráp khoảng 60%, linh kiện thiết bị của dây chuyền cán nguội số 5 đã nhập về gần như toàn bộ, phần xây dựng cơ bản gần như hoàn thiện.
Tháng 12/2018	Đã hoàn tất việc lắp đặt dây chuyền cán nguội số 4 và số 5.
Tháng 12/2019	Đã đưa dây chuyền cán nguội số 4 và số 5 vào vận hành.



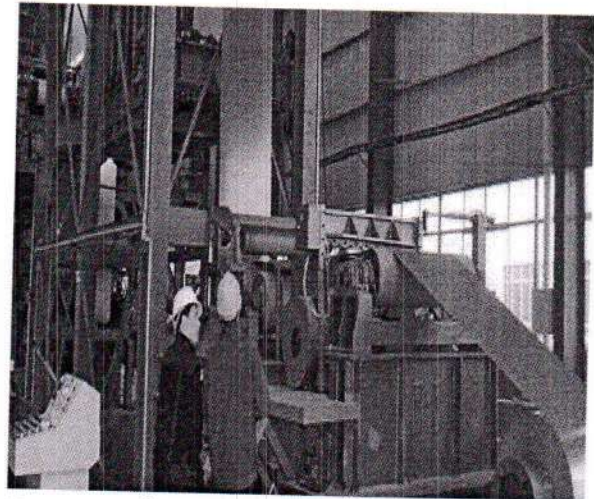
Dây chuyền tẩy rửa



Dây chuyền thép lá cán nguội



Dây chuyền mạ lạnh



Dây chuyền mạ màu

387
GT
HÃN
NL
BINH

- Quá trình tăng vốn điều lệ (kể từ khi Công ty hoạt động theo hình thức cổ phần):

Thời gian		Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)
12/04/2007	Khi thành lập	99.000.000.000	
31/03/2008	Tăng đợt 1	152.000.000.000	53.000.000.000
25/07/2008 - 10/08/2008	Tăng đợt 2	192.000.000.000	40.000.000.000
10/11/2008 - 15/11/2008	Tăng đợt 3	230.000.000.000	38.000.000.000
16/12/2008 - 31/12/2008	Tăng đợt 4	253.000.000.000	23.000.000.000
31/07/2009	Tăng đợt 5	350.000.000.000	97.000.000.000
11/09/2009 - 30/09/2009	Tăng đợt 6	388.000.000.000	38.000.000.000
24/06/2010	Tăng đợt 7	484.974.700.000	96.974.700.000
12/01/2012	Tăng đợt 8	501.360.900.000	16.386.200.000
03/06/2014	Tăng đợt 9	614.356.040.000	112.995.140.000

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm:

- ✓ Thép lá cán nguội: Với công nghệ cán 12 trục, 6 trục đảo chiều tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng.
- ✓ Thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (Tôn lạnh)/ Thép lá mạ kẽm (tôn kẽm): Được sản xuất trên dây chuyền mạ công nghệ NOF hiện đại. Nguyên liệu đầu vào là thép lá cán nguội dạng cuộn phù hợp tiêu chuẩn JIS G3141 SPCC 1B/SB/SD. Tôn mạ kẽm/ tôn lạnh được sản xuất trên cơ sở mạ kẽm/lạnh và hợp kim trên nền thép lá cán nguội. Bề mặt tôn phẳng, các tinh thể hợp kim kết tinh tạo thành lớp bóng kẽm/lạnh đẹp, sáng và bóng. Khả năng chống ăn mòn và bức xạ nhiệt tốt hơn so với các sản phẩm khác.
- ✓ Thép lá mạ kẽm phủ màu (tôn màu)/ hợp kim nhôm kẽm phủ màu (Tôn lạnh màu): Ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền tôn kẽm/tôn lạnh. Lớp sơn bóng đẹp, bền màu. Không bị bong tróc, trầy xước trong quá trình dập cán sóng và tạo hình.



✓ Thép hộp và Ống thép: Được sản xuất qua các công đoạn: tẩy rỉ, cán nguội, ủ mềm, mạ kẽm, cắt băng, cán định hình, Thép hộp và Ống thép có bề mặt sạch, trơn láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty luôn tập trung, chú trọng vào thị trường nội địa; Trong đó, tập trung vào các vùng chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu doanh thu toàn vùng, chủ yếu là thị trường miền Đông Nam Bộ (chiếm khoảng từ 40 - 55%) và miền Tây Nam Bộ.

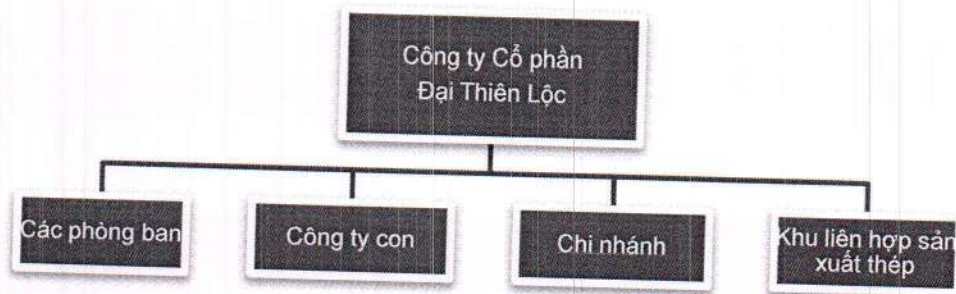
Ngoài thị trường nội địa, công ty cũng đã, đang và sẽ không ngừng đẩy mạnh thị trường xuất khẩu với một số thị trường truyền thống từ trước đến nay như các nước ASEAN, các nước Châu Á... Đồng thời, không chỉ dừng lại ở phạm vi đó, công ty cũng đang xúc tiến tìm hiểu thêm thị trường tại Châu Phi, Châu Âu và Nam Mỹ để xuất khẩu hàng với giá cạnh tranh, đạt chất lượng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

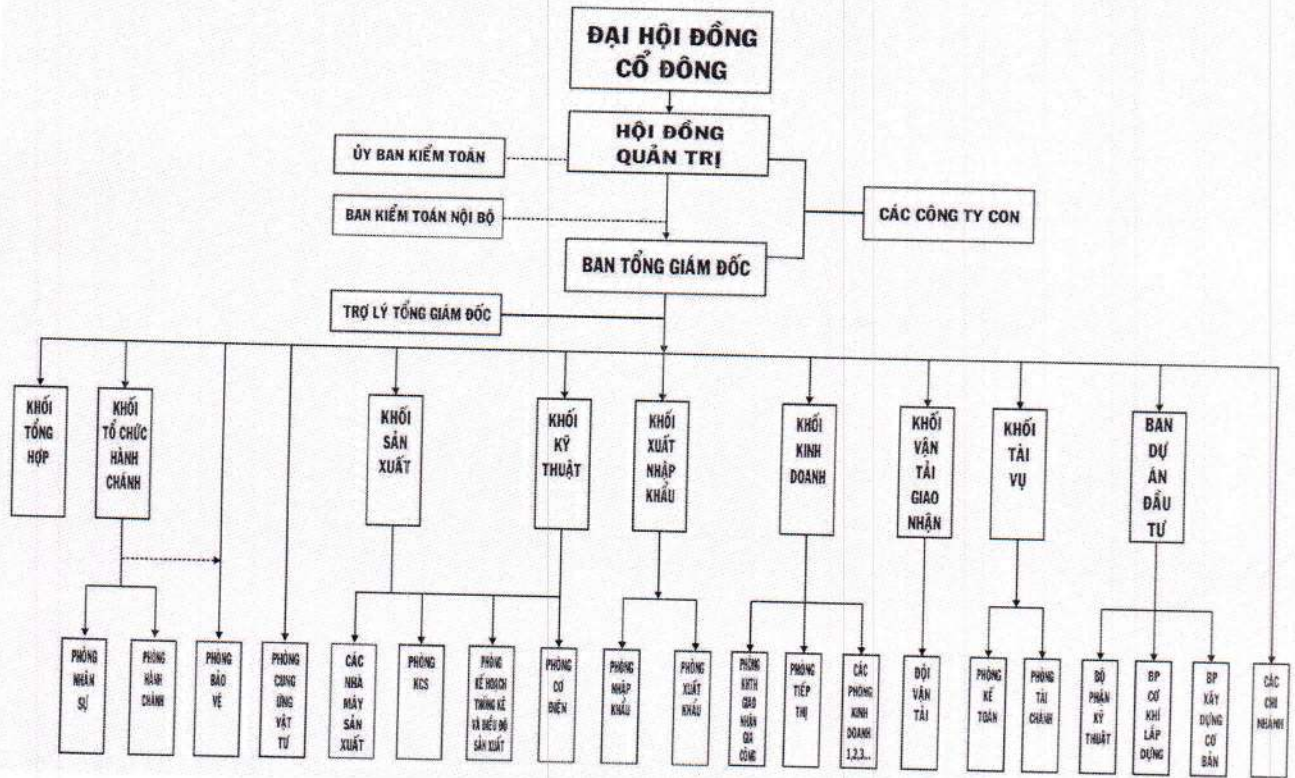
- **Mô hình quản trị:** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý.**

a) Sơ đồ 1: Cơ cấu công ty



b) Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Khối Tổ chức - Hành chính gồm Phòng Nhân sự, Phòng Hành chính

- Xây dựng, ban hành chính sách nhân sự, quy chế về sử dụng và quản lý lao động, nội quy lao động, hệ thống thang bảng lương, quy chế khen thưởng, kỷ luật...;
- Xây dựng, ban hành quy chế về an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ...;
- Thực hiện công tác định mức lao động, chấm công, tính lương, giải quyết các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, các chế độ lao động khác cho nhân viên;
- Tuyển dụng nhân viên, đào tạo, bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật;
- Xây dựng, ban hành quy chế về việc sử dụng, quản lý con dấu...;
- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ, lễ tân, tổ chức hội họp...;
- Mua sắm, cấp phát, quản lý sử dụng thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm...

Khối tổng hợp

- Nghiên cứu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu;
- Hoạt động đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đại chúng (trong và ngoài nước), tiến hành các hoạt động PR, IR.

Khối vận tải

- Gồm đội xe lo việc vận chuyển người và hàng hóa của Công ty;
- Thực hiện bốc dỡ, giao nhận hàng hóa...;
- Khai thác vận tải, tổ chức chở thuê hàng hóa...

Phòng cung ứng vật tư

- Chuyên thu mua các loại vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và các nhu cầu khác trong Công ty.

Phòng bảo vệ

- Chuyên lo vấn đề an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tài sản, thực hiện phòng chống cháy nổ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Khối Xuất Nhập khẩu gồm Phòng Nhập khẩu và Phòng Xuất khẩu

- Tìm hiểu thông tin thị trường thế giới, nhận định về diễn biến giá cả, nắm vững biểu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước khác, thông báo chính xác và kịp thời cho Tổng Giám đốc để đưa ra định hướng kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty;

- Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa của Công ty sang các nước;
- Thực hiện các thủ tục Hải quan, bộ chứng từ XNK, giao nhận hàng hóa tại các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ, ...

Khối Sản xuất - Kỹ thuật gồm các Nhà máy Sản xuất, Phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Phòng Kế hoạch - Thống kê - Điều độ Sản xuất và Phòng Cơ điện.

- Nghiên cứu, tiếp cận, ứng dụng công nghệ tiên tiến để cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Thiết kế, chế tạo các loại máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; theo dõi, quản lý sử dụng dây chuyền thiết bị và thiết bị kiểm tra, đo lường;

- Thi công lắp dựng nhà xưởng, nhà kho, máy móc thiết bị,...;
- Quản lý toàn bộ hệ thống điện – tự động hoá;
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm và giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);
- Huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật;
- Lập kế hoạch sản xuất, điều hành và quản lý sản xuất bảo đảm đúng tiến độ giao hàng, đạt chất lượng sản phẩm, ...

Khối Kinh doanh gồm Phòng Kinh doanh, Phòng Tiếp thị, Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Giao nhận - Gia công.

- Xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing, phát triển hệ thống bán hàng;

- Phối hợp với Phòng Sản xuất để lập kế hoạch sản xuất, gia công, theo dõi tiến độ, tổ chức giao nhận hàng sản xuất, gia công và thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);

- Thực hiện dịch vụ bán hàng, hậu mãi; chăm sóc khách hàng và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến dịch vụ bán hàng, hậu mãi...

Khối tài vụ gồm Phòng Kế toán, Phòng Thống kê, Ban Kiểm toán nội bộ

- Lập kế hoạch tài chính – đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn; Xây dựng các quy chế lưu trữ chứng từ, luân chuyển chứng từ nội bộ, thanh toán nội bộ...;

- Thực hiện công tác quản lý tài sản và sử dụng vốn;

- Phối hợp với Phòng Sản xuất để tính chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;

- Phối hợp với phòng Hành chính – Nhân sự tính tiền lương, thanh toán bảo hiểm xã hội, y tế, tai nạn và các chế độ khác cho nhân viên;

- Lập báo cáo thuế, quyết toán thuế, báo cáo tài chính và các loại báo cáo khác theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Công ty;

- Lập báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của Công ty;

Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ để bảo đảm tính chính xác và trung thực về số liệu nhằm hạn chế tối đa những sai sót có thể xảy ra.

- Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)

Địa chỉ: Ô 13D, Lô CN 8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Vốn điều lệ thực góp: 795.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%.

+ Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008). Đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2013.

Địa chỉ: Ô 2, Lô A, Đường số 22, KCN Sóng Thần, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Vốn điều lệ thực góp: 9.194.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%.

4. Định hướng phát triển:

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Với nguồn lực hiện có của công ty và sự nhận định, đánh giá về tình hình chung của ngành thép, Đại Thiên Lộc đề ra 5 mục tiêu lớn như sau:

- + Một là, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm mức tăng trưởng cao và bền vững; gia tăng giá trị cho cổ đông;
- + Hai là, xây dựng hệ thống quản lý một cách toàn diện, phát huy những lợi thế có sẵn và hạn chế các mặt yếu kém còn tồn tại;
- + Ba là, xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định vị thế của Đại Thiên Lộc trên thương trường Việt Nam và quốc tế;
- + Bốn là, xử lý tốt nguồn chất thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp, làm giảm thiểu tác động có thể gây ô nhiễm môi trường;
- + Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của Cán bộ công nhân viên và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu sử dụng thép dẹt tại Việt nam và các nước đang phát triển như Asean, Tây Á, Bắc Á, Châu Phi, Nam Mỹ... gia tăng rất đáng kể. Theo đó triển vọng phát triển ngành thép dẹt, thép lá tráng phủ kim loại (tôn mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm kẽm), phủ sơn màu (tôn mạ màu), ống thép, xà gồ thép... là rất lớn. Cùng với đó, Trung Quốc là nước xuất khẩu lớn mặt hàng thép dẹt tại Châu Á đã bị một số thị trường lớn tại Châu Âu, Châu Mỹ áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại; Do đó, đây là một cơ hội lớn cho mặt hàng thép sản xuất tại Việt nam nói chung và Tôn Đại Thiên Lộc nói riêng vươn ra các thị trường khó tính.

Trong xu hướng phát triển sắp tới, công ty sẽ mở rộng sản xuất mặt hàng thép không gỉ (Inox) để đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng khi chất lượng cuộc sống đã dần được nâng cao.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

+ **Tìm hiểu và đáp ứng nhu cầu của khách hàng:** Tôn Đại Thiên Lộc nỗ lực nghiên cứu, tìm hiểu và thấu hiểu nhu cầu của khách hàng về chất lượng, giá cả và dịch vụ. Từ đó, công ty cung cấp ra thị trường các loại sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng khác nhau, mục đích sử dụng khác nhau ví dụ như sản phẩm tôn lợp với giá cả cạnh tranh dành cho người thu nhập thấp cho đến những sản phẩm tôn chất lượng với yêu cầu tiêu chuẩn nghiêm ngặt. Bên cạnh yếu tố chất lượng, công ty còn quan tâm đến các nhu cầu khác của khách hàng như chế độ bảo hành, hậu mãi nhằm đem đến cho khách hàng sự an tâm khi sử dụng sản phẩm của công ty.

+ Chất lượng sản phẩm:

Tôn Đại Thiên Lộc không ngừng tìm hiểu và cải tiến công nghệ trong lĩnh vực sản xuất; nhằm đưa ra những sản phẩm cải tiến, phù hợp với thị hiếu của khách hàng và xu hướng phát triển bền vững của ngành tôn, thép. Đến nay, công ty vẫn đang nỗ lực nghiên cứu để cho ra đời những sản phẩm phù hợp với nhiều phân khúc khác nhau với tiêu chí nâng cao hiệu năng, độ bền bỉ của sản phẩm nhưng vẫn phải đảm bảo được chất lượng của sản phẩm.

+ Trách nhiệm với xã hội

Bên cạnh mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh thì việc đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường cũng được quan tâm và ưu tiên hàng đầu, vì đây là cơ sở nền tảng của sự phát triển bền vững; đảm bảo chất lượng cuộc sống cho xã hội. Song song đó, công tác chăm sóc, quan tâm giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội và tài trợ các hoạt động xã hội cộng đồng cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà doanh nghiệp đặt ra.

5. Các rủi ro:

a. Rủi ro cạnh tranh:

- Xu hướng cạnh tranh trong nước ngày càng gay gắt, xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh bao gồm nhà máy mới, công ty thương mại mới. Hiện nay, các công ty không ngừng cải tiến và đổi mới mẫu mã sản phẩm, nâng cao chất lượng hàng hóa. Bên cạnh đó, thị trường trong nước gặp nhiều khó khăn do các công ty hưởng lợi sau khi ngừng gia hạn chính sách thuế “chống phá giá” đối với hàng Trung Quốc; những dòng sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc tập trung cạnh tranh trên yếu tố giá và hàm lượng công nghệ; gây ra nhiều khó khăn và sức ép cho nhà máy trong nước.

- Trong khi đó, tình hình lạm phát trong nước và toàn thế giới tăng cao. Đời sống công nhân khó khăn do nhiều công ty lớn phải cắt giảm nhân sự dẫn đến nhu cầu xây dựng dân dụng giảm sút. Các công ty đa phần trông chờ vào đầu tư công và các dự án xây dựng của chính phủ. Tuy nhiên đây không phải là lĩnh vực thế mạnh của công ty.

Vì vậy, những rủi ro cạnh tranh nêu trên là nguy cơ dẫn đến tồn kho cao, sản lượng tiêu thụ giảm.

b. Rủi ro về giá nguyên liệu:

- Giá nguyên liệu là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến vị thế cạnh tranh của công ty. Việc điều chỉnh chi phí sản xuất và giá bán kịp thời vẫn không thể bù đắp được hoàn toàn chi phí bán hàng. Vì vậy giá nguyên liệu là một trong những lý do ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch lợi nhuận của công ty

c. Rủi ro tỷ giá: Tỷ giá biến động tăng liên tục ảnh hưởng trực tiếp đến giá nhập khẩu nguyên vật liệu.

d. Rủi ro trong quản trị: Năng lực và chất lượng hoạt động của công ty phần nhiều còn phụ thuộc vào nhân lực, tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp. Hiện nay, hệ thống quản lý của công ty đã và đang

được duy trì phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Tuy nhiên, thực tế khó có thể nhận biết và dự đoán trước được những rủi ro từ việc thay đổi nhân sự.

e. Rủi ro từ hệ thống dây chuyền sản xuất: Vì hệ thống dây chuyền sản xuất nhập khẩu từ nước ngoài nên lượng phụ tùng, thiết bị thay thế phải có dự phòng rất lớn; trong khi đó thời gian nhập khẩu kéo dài, có khi từ 03 – 04 tháng mới về Việt Nam.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

* Về sản lượng tiêu thụ:

Sản lượng tiêu thụ cả năm đạt 106,624,173kg (tăng 37.11% so với năm 2022).

Trong đó:

ĐVT: Kg

Tên Hàng	Năm 2023	Năm 2022	% tăng giảm
Tôn Lạnh	29,103,169	16,997,103	71.22%
Tôn Màu	26,005,862	13,438,358	93.52%
Tôn Kẽm	191,088	272,248	-29.81%
Tôn Dạng Băng		518,966	-100.00%
Ống + Hộp	757,759	269,719	180.94%
Cán nguội	1,428,511		
Cán Nóng	41,925,581	41,165,447	1.85%
Khác	7,212,203	5,101,677	41.37%
Tổng	106,624,173	77,763,518	37.11%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

* Về kinh doanh nội địa:

- Doanh thu năm 2023 đạt 1,971,594,345,650 đồng; doanh thu tăng 22.27% so với năm 2022, nhưng lợi nhuận sau thuế âm (thua lỗ) 156,135,433,221 đồng. Mặc dù các CB-CNV khôi kinh doanh đã có nỗ lực trong năm qua, nhưng kết quả trên cho thấy sự thiếu sót của CB-CNV kinh doanh trong việc tiếp cận khách hàng dẫn đến thị trường nội địa ngày càng thu hẹp, mất thị phần đặc biệt là khu vực Đông Nam Bộ.

- Đội ngũ Marketing mỏng, dẫn đến các chính sách ưu đãi ngắn hạn và các chương trình thúc đẩy sản lượng dài hạn được đưa ra nhưng chỉ có thể tiếp cận một số khách hàng chủ chốt. Vì vậy hiệu quả chưa thực bùng nổ như mong đợi.

- Đối với xây dựng dân dụng gặp nhiều khó khăn do khách hàng chia làm 02 phân khúc rõ rệt; phân khúc hàng cao cấp – khách trực tiếp yêu cầu hàng có thương hiệu; Phân

khúc giá rẻ - khách không có yêu cầu về độ mạ, chỉ chú trọng về giá – điều này gây ảnh hưởng ít nhiều đến giá thành sản phẩm và doanh thu. Đồng thời xu hướng cạnh tranh không lành mạnh khi các đơn vị nhập khẩu hàng Trung Quốc tràn lan trên thị trường và marketing sản phẩm sai sự thật dẫn đến việc duy trì sản lượng ngày càng khó khăn hơn. Tuy nhiên đội ngũ kinh doanh không ngừng tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng và duy trì mối quan hệ thân thiết với khách hàng cũ.

- Đầu tư công được kỳ vọng nhiều vào năm 2023, chính phủ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công thông qua nhiều dự án hạ tầng và dự án điện, tạo động lực phát triển các khu công nghiệp mới. Song, hiện nay, do thời gian dừng máy lâu, khiến việc tiếp cận công trình gặp nhiều khó khăn. Một trong những khó khăn được khách phản ánh nhiều là do sau khi công trình hoàn thành dựng khung trần yêu cầu tôn phải được cung cấp trong vòng 5 đến 7 ngày.

- Về cơ cấu doanh thu: khu vực Đông Nam Bộ chiếm 35,57% (giảm 25,83% năm 2022); khu vực miền Tây chiếm 32,10% (tăng 28,07% năm 2022); khu vực Miền Bắc chiếm 22,04% (giảm 1,95% năm 2022); khu vực miền Trung - Tây Nguyên chiếm 10,29% (giảm 16,54% so với năm 2022).

*** Về kinh doanh xuất khẩu:**

- Doanh thu năm 2023 đạt 1.159.034USD (giảm 54,11% so với năm 2022), chỉ đạt 77,27% kế hoạch ĐHCĐ đã đề ra.

- Thị trường xuất khẩu chính trong năm 2023 vẫn là Lào, Campuchia và Indonesia. Các mặt hàng chính vẫn là tôn lạnh, tôn đen mạ màu.

- Trong năm 2023, tình hình xuất khẩu vẫn chưa được cải thiện nhiều. Nguyên nhân đến từ việc cạnh tranh về giá gay gắt của các nhà máy Việt Nam cũng như từ các nhà máy Trung Quốc. Bên cạnh đó, các đối thủ cạnh tranh liên tục phát triển các mặt hàng có giá thành rẻ cho các thị trường này. Sự chênh lệch giá có giai đoạn lên đến 60-70USD/tấn.

- Về cơ cấu doanh thu: Thị trường xuất khẩu chính là Châu Á với tỷ lệ 89,3% và thứ 2 là Châu Phi với tỷ lệ 10,7%.

- Quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại:

a) Quảng bá thương hiệu

Trong nội bộ:

- In Logo, thương hiệu trên tất cả các biểu mẫu như: Phiếu báo giá, phiếu nhập - xuất kho, hóa đơn GTGT tự phát hành, giấy giới thiệu, giấy tiêu đề, bao thư, danh thiếp...

- Trang phục công sở: tất cả CBCNV công ty khi đi làm đều mặc đồng phục có thêu logo Đại Thiên Lộc;

- Bảng hiệu công ty, các chi nhánh.

Ra bên ngoài:

- In Brochure, tờ rơi, poster, quảng cáo trên báo, truyền hình trung ương và địa phương.
- Tài trợ một phong trào thể dục thể thao mang tính xã hội hóa như: giải đua xe đạp do Đài PT&TH Bình Dương tổ chức, tài trợ giải quần vợt do Đài PT&TH tỉnh Nghệ An, Đài PT&TH tỉnh Hà Tĩnh tổ chức...
- Đặt các bảng quảng cáo ngoài trời, bảng hiệu đại lý ...
- Dán logo các xe của công ty ...
- Tặng phẩm: Bộ bình trà, bình cắm hoa, đồng hồ, áo thun, áo đi mưa... có in thương hiệu Đại Thiên Lộc.

b) Xúc tiến thương mại

Tham gia các chương trình giao thương, triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước như: Hội chợ Vietbuild; Hội chợ thương mại quốc tế tại một số nước Đông Nam Á.

2. Tổ chức và nhân sự:

- **Danh sách Ban điều hành (đến ngày 31/12/2023):**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Ngọc Khang	Q.Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch:

- **Chủ tịch HĐQT**

<i>Họ và tên</i>	Nguyễn Thanh Nghĩa
<i>Số căn cước công dân</i>	052063000227
<i>Giới tính</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	27/11/1963
<i>Nơi sinh</i>	Phù Cát, Bình Định
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Phù Cát, Bình Định
<i>Địa chỉ thường trú</i>	23/28 đường D2, CX.Văn Thánh Bắc, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
Từ 1987 - tháng 03/1992	Công tác tại Công ty Tài chính Tín dụng Seaprodex
Từ 1992 – 1993	Nhân viên Công ty XNK Thủy sản Tp. HCM
Từ 1993 – 2001	Phó Phòng, Trưởng phòng Nhập khẩu Công ty XNK Thủy sản Tp.HCM
Từ 2001 – tháng 05/2007	Chủ tịch HĐQT Giám đốc Công ty TNHH Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2007 – tháng 07/2020	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 08/2020 – 04/01/2022	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 05/01/2022 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	29.220.213 cổ phần, chiếm 47,56% VDL
Số cổ phần của những người có liên quan	
Vợ: Nguyễn Thị Bích Liên	7.899.952 cổ phần, chiếm 12,86% VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Loan	6.244.378 cổ phần, chiếm 10,16% VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Dung	2.573.990 cổ phần, chiếm 4,19% VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Trúc	2.435.000 cổ phần, chiếm 3,96% VDL
Anh ruột: Nguyễn Quang Quảng	625 cổ phần, chiếm 0,001 % VDL

- Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thanh Dung
Số chứng minh nhân dân	079194002685
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	12/07/1994
Nơi sinh	TPHCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phù Cát, Bình Định
Địa chỉ thường trú	23/28 đường D2, CX.Văn Thánh Bắc, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
Từ tháng 03/2017 – tháng 05/2020	Trợ lý TGD, Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2020 – tháng 10/2020	Thành viên HĐQT, Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 11/2020 – nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	2.573.990 cổ phần, chiếm 4,19% VDL
Số cổ phần của những người có liên quan	
Cha: Nguyễn Thanh Nghĩa	29.220.213 cổ phần, chiếm 47,56% VDL
Mẹ: Nguyễn Thị Bích Liên	7.899.952 cổ phần, chiếm 12,86% VDL
Chị ruột: Nguyễn Thanh Loan	6.244.378 cổ phần, chiếm 10,16% VDL
Em ruột: Nguyễn Thanh Trúc	2.435.000 cổ phần, chiếm 3,96% VDL

- Quyền Kế toán trưởng

Họ và tên	Lê Ngọc Khang
Số chứng minh nhân dân	281406941
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/07/1987
Nơi sinh	Thanh Hoá
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	P. Phú Mỹ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
Từ 2010 - 2012:	Nhân Viên Kế Toán Công ty TNHH Proceeding
Từ 2012- 2015:	Nhân Viên Kế toán Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
Từ 2016 - Đến nay:	Quyền Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng cán bộ, nhân viên đến ngày 31/12/2023: 200 người.

+ Thu nhập bình quân: 8.032.967 đồng/tháng/người, giảm 8,62% so với năm 2022.

+ Chế độ, chính sách lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao

động như: BHXH, BHYT, các chế độ khác theo quy định của Nhà nước. Năm 2023 mặc dù tình hình kinh doanh không thuận lợi nhưng BLĐ công ty vẫn xem xét thưởng tết với mức phù hợp cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm không có đầu tư dự án mới.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(9,119,719)	(9,119,719)
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL		

- Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1,644,046,124,358	1.919.853.433.632
Lợi nhuận sau thuế	(146,900,347,392)	(128.395.143.281)
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL		

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2,368,609,665,444	2,072,804,436,767	-12.49%
Doanh thu thuần	1,612,509,441,879	1,971,594,345,650	22.27%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(63,198,677,446)	(160,589,887,353)	154.10%
Lợi nhuận khác	(58,973,981,604)	30,133,482,788	-151.10%
Lợi nhuận trước thuế	(122,172,659,050)	(130,456,404,565)	6.78%
Lợi nhuận sau thuế	(152,650,156,856)	(156,135,433,221)	2.28%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.24	1.26	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0.34	0.38	

Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.64	0.62	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	1.74	1.60	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1.70	1.40	
+ Vòng quay tổng tài Sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.95	0.68	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0.08)	(0.10)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	(0.21)	(0.17)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0.08)	(0.06)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0.08)	(0.09)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 61,435,604 cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 60,630,984 cổ phiếu – Cổ phần chuyển nhượng tự do.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 804,620 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông:

* Thông tin về cơ cấu cổ đông (theo Danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 26/05/2023)

Cổ đông	Số lượng CD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Trong nước	216	61,434,609	100.00%
Cá nhân	199	48,754,869	79.36%
Tổ chức	6	12,668,567	20.62%
Nhà đầu tư CK chuyên nghiệp là các Công ty CK	11	11,173	0.02%
Nước ngoài	4	995	0.00%
Cá nhân	3	295	0.00%
Tổ chức	1	700	0.00%
Tổng cộng	220	61,435,604	100%

* Thông tin về cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên, theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 26/05/2023)

STT	Họ tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	23/28 đường D2, CX.Văn Thánh Bắc, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	29,220,213	47.563%
2	Nguyễn Thị Bích Liên	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM	7,899,952	12.859%
3	Nguyễn Thanh Loan	23/28 đường D2, CX.Văn Thánh Bắc, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	6,244,378	10.164%
4	Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	số 300/20, Đường ĐT743a, Khu phố Chiêu Liêu, P.Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	11,863,289	19.310%
Tổng cộng			55,228,332	89.896%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

- Sử dụng tài nguyên hiệu quả và có trách nhiệm.
- Sử dụng năng lượng xanh: CNG, năng lượng mặt trời.
- Chất thải: Kiểm soát chất thải và nước thải.
- Nguồn nước và chất lượng nước: Sử dụng nguồn nước có trách nhiệm, hiệu quả và tuần hoàn.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Đơn vị tính: Kg

1. Nguyên liệu chính để sản xuất		0
2. Nguyên liệu để đóng gói sản phẩm		109,969
a. Nguyên liệu phụ khác:	+ Axit Clohidric (HCL 32%)	0
	+ Dầu Cán	10,285
	+ Dầu thủy Lực	2,191
	+ Dầu DO 0.05% + chất tẩy dầu	22,543
	+ Dung môi	23,546
	+ Hợp kim nhôm kẽm (nội địa)	259,244
	+ Sơn các loại	109,369

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Tỷ lệ phần trăm được sử dụng tái chế làm lõi là 5%.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện, Hơi nóng, Khí CNG.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Môi trường Bình Dương.

- Lượng nước sử dụng: 546 m³ (năm 2023).

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động: 200 người.
- Thu nhập bình quân: 8.032.967 đồng/tháng/người, giảm 8,62% so với năm 2022.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước.
- Bên cạnh đó, Công ty còn có chế độ thưởng vào các ngày lễ tết như: lương tháng 13 và tiền thưởng A,B,C vào dịp tết nguyên đán; tặng quà cho cán bộ, nhân viên nữ vào ngày 8/3, 20/10; tặng quà cho con em cán bộ, nhân viên vào ngày lễ thiếu nhi; hỗ trợ cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, gặp tai nạn lao động hoặc gia đình có hiếu hỉ; Người lao động được Công ty tổ chức tập huấn về ATLĐ, VSLĐ, được nâng cao kỹ năng quản lý và các kỹ năng khác. Năm 2023, tình hình kinh doanh không thuận lợi nhưng Ban lãnh đạo công ty vẫn xem xét thưởng tết với mức phù hợp cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong quá trình làm việc Quản lý các bộ phận/ dây chuyền sẽ trực tiếp đào tạo nhân viên do mình quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu công việc được giao.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

a. Công tác xã hội, từ thiện:

Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch đề ra nhưng Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn quan tâm và thực hiện thường xuyên công tác từ thiện xã hội trên cả nước trong năm 2023 với số tiền 105,000,000đồng như: ủng hộ phòng LĐTBXH huyện Phù Cát, ngày hội Trung thu và trao học bổng trao học bổng HSSV năm 2023, tổ chức đại hội đại biểu học sinh sinh viên VN Bình Dương lần thứ 3. Tuy số tiền từ thiện xã hội không phải quá lớn nhưng điều đó thể hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội của tập thể CB-CNV Tập đoàn Tôn ĐTL.

b. Tài trợ các hoạt động xã hội, cộng đồng

Hình ảnh hoạt động, xã hội từ thiện của công ty:



Ngày hội Trung thu và trao học bổng khó khăn

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

- **Về kết quả kinh doanh:**

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Kế hoạch 2024
- Doanh thu:	1,612 tỷ đồng	1,971 tỷ đồng	2,000 tỷ đồng
Trong đó xuất khẩu	2.525 triệu USD	1.159 triệu USD	2 triệu USD
- Lợi nhuận sau thuế:	-152.060 tỷ đồng	-156.135 tỷ đồng	170 tỷ đồng

So với kế hoạch doanh thu, lợi nhuận do ĐHCĐ năm 2023 đã đề ra thì kết quả cho thấy:

- + Doanh thu đạt 123.22%. Trong đó, doanh thu xuất khẩu đạt 77.27% so với kế hoạch.
- + Về lợi nhuận năm 2023: thua lỗ, không đạt kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Nguyên nhân: Kết quả phản ánh sự cạnh tranh gay gắt ở thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Do tình hình kinh tế thế giới khó khăn kéo dài, chất lượng hàng hóa không ổn định cộng với sự ra đời của nhiều nhà máy sản xuất, ảnh hưởng lớn đến nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước. Dẫn đến tình trạng hàng tồn kho nhiều, trong khi đó không có nhu cầu sản xuất mới.



• **Về sản xuất:**

Dây chuyền	Kế hoạch (tấn/năm)	Thực hiện (tấn/năm)	Tỷ lệ %
Tẩy rửa		-	
Cán nguội 3	96,000	7,828.890	8.16%
Cán nguội 4	180,000	-	
Cán nguội 5	180,000	1,166.105	0.65%
Mạ lạnh 2	90,000	9,890.080	
Mạ màu	55,000	4,092.770	7.44%
Nấn phẳng 1		5,287.195	8.16%
Nấn phẳng 2		9,098.670	
Cán ống		487.908	
Xả băng, xén biên, cắt lá...		1,878.572	
TỔNG CỘNG	601,000	39,730.190	

- Sản lượng sản xuất cả năm chỉ đạt 39,730.190 tấn. Nguyên nhân do không có kế hoạch sản xuất.

- **Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2023 giảm 12.5% so với năm 2022, nguyên nhân chủ yếu là trong kỳ hàng tồn kho và công nợ phải thu giảm hơn năm trước.

b) Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả năm 2023 giảm 9.57 % so với năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu: Các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ giảm mạnh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Củng cố bộ máy tổ chức, điều hành công ty.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý các hoạt động của công ty, xây dựng quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và thông tin quản lý.
- Kiểm tra thường xuyên, có chế độ bảo trì đối với các dây chuyền đang vận hành, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị cũ có công nghệ lạc hậu, chất lượng thấp bằng thiết bị chất lượng cao từ EU & Nhật.
- Tuyển dụng nhiều cán bộ kỹ thuật có trình độ, có kinh nghiệm để tiếp nhận chuyển giao từ phía nước ngoài, vận hành và kiểm soát tốt các dây chuyền sản xuất.

- Cải thiện môi trường làm việc, chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, đóng góp tích cực cho Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí sản xuất, lưu thông để giảm giá thành sản phẩm, đầu tư... đồng thời coi trọng chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2024, kinh tế thế giới vẫn còn tiềm ẩn những bất trắc rất khôn lường. Có thể đánh giá một số điểm thuận lợi và khó khăn trong năm 2024 như sau:

*** Thuận lợi:**

- Toàn thể CB-CNV luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao từ Chủ tịch.

*** Khó khăn:**

- Thị trường tôn mạ trong nước đang có sự cạnh tranh rất gay gắt, do một số nhà máy mới đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất đã ra sản phẩm với giá cả và chất lượng rất cạnh tranh. Cộng với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc giá rẻ.

- Tính đến nay, việc kiểm soát chất lượng vẫn chưa đạt yêu cầu, chưa ghi nhận triệt để lỗi sản phẩm, khách hàng vẫn còn khiếu nại gây ảnh hưởng đến uy tín công ty. Và việc mất thị trường xuất khẩu tiềm năng vẫn đang là thách thức lớn khi chất lượng hiện nay vẫn chưa thực sự ổn định.

Nhân sự có trình độ, kinh nghiệm quản lý trong sản xuất hiện nay vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại các dây chuyền. Do đó, ảnh hưởng ít nhiều đến việc xử lý khi có sự cố xảy ra.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Việc sử dụng nước, năng lượng một cách tiết kiệm. Mỗi dây chuyền sản xuất, bộ phận thường xuyên theo dõi, thống kê tình hình sử dụng năng lượng nhằm phát hiện và điều chỉnh tình trạng không hợp lý.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn xem con người là yếu tố cốt lõi của tổ chức. Công ty luôn hướng đến xây dựng môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã, đang và sẽ không ngừng đóng góp cho sự phát triển cùng cộng đồng, địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động kinh doanh của công ty, cụ thể Công ty đã dừng sản xuất trong một thời gian dài.

- Thị trường xuất khẩu đang dần bị thu hẹp do các nước là thị trường xuất khẩu truyền thống của công ty đã tiến hành áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, do đó kìm hãm việc xuất khẩu của các công ty thép Việt nam trong đó có Tôn Đại Thiên Lộc.

- Trách nhiệm môi trường và xã hội: Công tác xử lý chất thải đúng theo quy định, trồng cây xanh xung quanh nhà máy...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc công ty luôn đồng hành và tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị. Đưa ra được những kế hoạch cụ thể trong việc tổ chức kinh doanh, chăm sóc khách hàng, tìm hiểu và đánh giá khả năng tiềm lực tài chính của từng khách hàng để có những chính sách đặc biệt. Đồng thời, luôn theo dõi sát sao công tác sản xuất nhằm chấn chỉnh kịp thời, giúp chất lượng sản phẩm tăng lên một cách đáng kể.

- Trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn và tài sản vào trong các lĩnh vực hoạt động khác: Ban Tổng giám đốc đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với công việc được giao, luôn nỗ lực và cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng quy định về Quản trị công ty áp dụng cho công ty niêm yết, Điều lệ công ty và quy chế quản trị công ty.

- HĐQT lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành, tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao theo NQ ĐHCĐ và NQ HĐQT đã đề ra.

- HĐQT cố gắng duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo thu nhập, ổn định cuộc sống cho người lao động.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên HĐQT
4	Ông Võ Thanh Lâm	Thành viên HĐQT – Miễn nhiệm ngày

		29/06/2023
5	Ông Nguyễn Văn Sáu	Thành viên HĐQT – Bổ nhiệm ngày 29/06/2023

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa: Chủ tịch HĐQT
(Xem lý lịch Ban điều hành)

2. Phó Chủ tịch HĐQT	
<i>Họ và tên</i>	Nguyễn Thị Bích Liên
<i>Số căn cước công dân</i>	079164035034
<i>Giới tính</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	08/06/1964
<i>Nơi sinh</i>	Nam Định
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú</i>	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Kinh doanh
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 1984 – 1988</i>	Làm việc tại Phân Viện Khoa học Kỹ thuật thuộc UBKHKT (số 49 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP HCM)
<i>Từ 1989 – 1999</i>	Nội trợ
<i>Từ 2000 – 2005</i>	Giám đốc Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc
<i>Từ 2006 – tháng 4/2011</i>	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Từ tháng 4/2011 – tháng 7/2020</i>	Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Từ tháng 8/2020 – 04/01/2022</i>	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc

<i>Từ tháng 05/01/2022 đến nay</i>	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	7,899,952 cổ phần, chiếm 12.86% VĐL
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	
<i>Chồng: Nguyễn Thanh Nghĩa</i>	29.220.213 cổ phần, chiếm 47,56% VĐL
<i>Con ruột: Nguyễn Thanh Loan</i>	6.244.378 cổ phần, chiếm 10,16 % VĐL
<i>Con ruột: Nguyễn Thanh Dung</i>	2.573.990 cổ phần, chiếm 4,19 % VĐL
<i>Con ruột: Nguyễn Thanh Trúc</i>	2.435.000 cổ phần, chiếm 3,96% VĐL
<i>Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức (Bà Nguyễn Thị Bích Liên là thành viên góp vốn)</i>	11.863.289 cổ phần, chiếm 19,31% VĐL

3. Bà Nguyễn Thanh Dung: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
(Xem lý lịch cá nhân Phó Tổng Giám đốc)

4. Thành viên HĐQT	
<i>Họ và tên</i>	Võ Thanh Lâm
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	271113914
<i>Giới tính</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	20/06/1973
<i>Nơi sinh</i>	Bình Định
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Bình Định
<i>Địa chỉ thường trú</i>	23 Ấp Thọ Tân, Xã Xuân Thọ, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12

<i>Trình độ chuyên môn</i>	KỸ SƯ CƠ KHÍ CHUYÊN DỤNG
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 1998 – 2001</i>	Trưởng phòng kỹ thuật tại Công ty CP Gạch Tuy Nén Tân Uyên Bình Dương
<i>Từ 2002 – 2009</i>	Trưởng Phòng Hậu Cần Logistic Tại Công Ty Kính nổi Viglacera – KSX Tân Đông Hiệp- Dĩ An- Bình Dương
<i>Từ 2010 – 2011</i>	Quản đốc NM Gạch Tuy Nén Bình Mỹ - Bình Dương
<i>Từ 2012 – 2014</i>	Giám đốc Nhà máy bao bì PP Chuyên Dụng – trực thuộc Công ty CP Khoáng Sản Than Đông Bắc- Bộ Quốc Phòng
<i>Từ T4/ 2015 – T4/2016</i>	Phó giám đốc Phân xưởng mạ kẽm Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Từ T5/2015 – T5/2016</i>	Giám đốc nhà máy mạ kẽm Việt Quang- KCN Tịnh phong- Huyện Sơn Tịnh- Quảng Ngãi
<i>Từ T6/2016 – đến nay</i>	Kinh doanh tự do
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL

5. Thành viên HĐQT	
<i>Họ và tên</i>	Nguyễn Văn Sáu
<i>Số căn cước công dân</i>	038072014684
<i>Giới tính</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	10/05/1972
<i>Nơi sinh</i>	Thanh Hóa
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh

<i>Quê quán</i>	Thanh Hóa
<i>Địa chỉ thường trú</i>	Tổ 9, Tân Hóa, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Trung cấp Xây dựng – Cơ khí
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 1997 – 1999</i>	Tổ trưởng Xí nghiệp Xây dựng số 2, Đồng Nai
<i>Từ 1999 - 2001</i>	Công nhân Công ty Cơ Khí Cầu Trục TMC
<i>Từ 2001 – 2005</i>	Quản lý Cơ khí Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL
<i>Từ 2006 - 2012</i>	Phó Giám đốc Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL
<i>Từ 2012 – T5/2021</i>	Giám đốc Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL
<i>Từ T6/2021 đến nay</i>	Kinh doanh tự do
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	0 cổ phần, chiếm 0% VDL
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	0 cổ phần, chiếm 0% VDL

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 tính đến thời điểm tháng 12/2023, gồm 4 thành viên:
- + Ông Nguyễn Thanh Nghĩa - Chủ tịch HĐQT;
- + Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Phó Chủ tịch HĐQT;
- + Bà Nguyễn Thanh Dung - Thành viên;
- + Và Ông Nguyễn Văn Sáu - Thành viên. Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
- + Ông Võ Thanh Lâm - Thành viên vì lý do cá nhân đã xin từ nhiệm từ ngày 29/06/2023.
- Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp và ban hành 11 Nghị quyết với một số nội dung như sau:



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ- HĐQT	03/01/2023	Thông qua giao dịch vay của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc (Công ty con của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc) với ông Nguyễn Thanh Nghĩa – Chủ tịch HĐQT	100%
2	02/2023/NQ- HĐQT	03/01/2023	Thông qua giao dịch tạm mượn của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc (Công ty con của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc) với ông Nguyễn Thanh Nghĩa – Chủ tịch HĐQT	100%
3	03/2023/NQ- HĐQT	03/01/2023	Thông qua chủ trương ký hợp đồng mua – bán giữa Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc với Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc (Công ty con của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc)	100%
4	04/2023/NQ- HĐQT	03/01/2023	Thông qua chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc (Công ty con của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc) với Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức (Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan)	100%
5	05/2023/NQ- HĐQT	15/03/2023	Thông qua việc gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
6	06/2023/NQ- HĐQT	18/04/2023	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Võ Thanh Lâm cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020 - 2025 kể từ ngày 18/04/2022	100%
7	07/2023/NQ- HĐQT	05/05/2023	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
8	08/2023/NQ- HĐQT	27/06/2023	Thông qua giao dịch vay của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc với ông Nguyễn Thanh Nghĩa – Chủ tịch HĐQT	100%
9	09/2023/NQ- HĐQT	26/07/2023	Thông qua việc Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Sáu – Thành viên HĐQT độc lập – giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	100%

10	10/2023/QĐ-HĐQT	21/08/2023	Thông qua việc thế chấp tài sản tại Ngân hàng No&PTNT Việt Nam Chi nhánh KCN Sóng Thần	100%
11	11/2023/NQ-HĐQT	28/11/2023	Thông nhất việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán nợ vay và các chi phí, lãi phát sinh của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	100%

Hoạt động của HĐQT:

- Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2023 vào ngày 29/06/2023.
- Trong năm 2023, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đã triển khai một số công việc như sau: Vay vốn, chốt danh sách cổ đông tổ chức ĐHCĐ, bổ nhiệm, miễn nhiệm...
- Bên cạnh các hoạt động SXKD, công ty cũng thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin cho cơ quan chức năng và nhà đầu tư theo luật định.
- Các thông tin của công ty đều được công bố đầy đủ tại website của công ty và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia vào quá trình giám sát, đánh giá, đưa ra ý kiến độc lập đối với các Nghị quyết, quyết định và các hoạt động khác của HĐQT.
- Trong năm tài chính 2022, HĐQT Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã hoạt động theo đúng các nội dung của Nghị quyết ĐHCĐ, đảm bảo sự tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, đảm bảo sự minh bạch và các thông lệ quản trị.
- Các cuộc họp HĐQT luôn được tổ chức với kế hoạch, chương trình, nội dung, tài liệu họp đã được chuẩn bị đầy đủ theo quy định.
- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT.
- Các thành viên HĐQT luôn thực hiện công việc với tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp cao, đồng thời đảm bảo nguyên tắc cân trọng trong thực hiện vai trò thành viên HĐQT của mình.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không.

2. Ủy ban kiểm toán:

a) Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Võ Thanh Lâm	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Ngày bổ nhiệm 21/07/2021 Ngày miễn nhiệm 29/06/2023	Cử nhân
2	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên UBKT	Ngày bổ nhiệm 21/07/2021	Cử nhân
3	Ông Nguyễn Văn Sáu	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Ngày bổ nhiệm 26/07/2023	Trung cấp

b) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán:

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.

- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán.

- Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thương xuyên hỗ trợ, tạo điều kiện để Ủy ban Kiểm toán thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban kiểm toán:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao
1	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Chủ tịch HĐQT - Thành viên Ủy ban kiểm toán	295,705,500

2	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc	72,000,000
3	Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	359,789,500
4	Ông Võ Thanh Lâm	Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	24,000,000
5	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	151,248,100
6	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	156,989,800
7	Bà Nguyễn Thị Hồng Thu	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	163,645,000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thông tin	Nội dung
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết HĐQT số 08/2023/NQ-HĐQT, ngày 27/06/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023, ngày 29/06/2023	Nguyễn Thanh Nghĩa vay Công ty CP Đại Thiên Lộc. Đầu kỳ 01/01/2023 còn: 0đ Trong kỳ cho vay: 9.510.000.000đ, đ, đã thu: 9.515.000.000đ đ. Cuối kỳ 31/12/2023 Công ty còn nợ ông Nghĩa: 5.000.000đ
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT, ngày 03/01/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023, ngày 29/06/2023	Nguyễn Thanh Nghĩa cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc vay. Trong kỳ cho vay: 277,734,500,000đ đã thu: 277,734,500,000đ Cuối kỳ 31/12/2023 Công ty còn nợ ông Nghĩa: 0đ
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT, ngày	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc cho Nguyễn Thanh Nghĩa vay. Đầu kỳ 01/01/2023: 0đ

		03/01/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023, ngày 29/06/2023	Trong kỳ cho vay: 50.712.500.000đ, đã thu: 50.712.500.000đ. Cuối kỳ 31/12/2023 ông Nghĩa còn nợ Công ty: 0đ
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết HĐQT số 02/2023/NQ-HĐQT, ngày 03/01/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023, ngày 29/06/2023	Nguyễn Thanh Nghĩa cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc tạm mượn. Đầu kỳ 01/01/2023 còn: 0đ, trong kỳ cho tạm mượn: 190,000,000đ, đã thu: 0đ. Cuối kỳ 31/12/2023 Công ty còn nợ ông Nghĩa: 190,000,000đ
Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn/ Bà Nguyễn Thị Bích Liên là thành viên góp vốn	Nghị quyết HĐQT số 04/2023/NQ-HĐQT, ngày 03/01/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023, ngày 29/06/2023	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức Năm 2023 Tổng giá trị: 3,284,578,577đ
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Nghị quyết HĐQT số 03/2023/NQ-HĐQT, ngày 03/01/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023, ngày 29/06/2023	Công ty CP Đại Thiên Lộc bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc. Tổng giá trị: 23,430,895,840đ
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Nghị quyết HĐQT số 03/2023/NQ-HĐQT, ngày 03/01/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023, ngày 29/06/2023	Công ty CP Đại Thiên Lộc mua hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc. Tổng giá trị: 186,676,814,834đ
Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức	Bà Nguyễn Thị Bích Liên là thành viên góp vốn	Hợp đồng	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc chi hộ cho Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức. Cuối kỳ 31/12/2023 Công ty còn phải thu: 3,221,640,371đ

Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Phiếu chi/ ủy nhiệm chi	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc cho Nguyễn Thanh Nghĩa tạm ứng. Cuối kỳ 31/12/2023 Công ty còn phải thu: 153,605,386đ
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng vay	Lãi vay Công ty còn phải trả cuối kỳ 31/12/2023: 3,756,870,903đ
Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng vay	Lãi vay Công ty còn phải trả cuối kỳ 31/12/2023: 7,552,082,184đ
Nguyễn Thanh Dung	TV HĐQT – Phó TGD	Hợp đồng vay	Lãi vay Công ty còn phải trả cuối kỳ 31/12/2023: 170,892,291đ
Nguyễn Thanh Loan		Hợp đồng vay	Lãi vay Công ty còn phải trả cuối kỳ 31/12/2023: 129,689,913đ
Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng vay	Nguyễn Thị Bích Liên cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc vay. Cuối kỳ 31/12/2023 Công ty còn phải trả: 17,103,274đ

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Thiếu các tiêu ban để hỗ trợ hoạt động cho Hội đồng quản trị. Hiện nay, do nguồn nhân lực có trình độ quản trị và khả năng giúp việc cho HĐQT còn tương đối thiếu do đó chưa thể thành lập được các tiêu ban để giúp việc cho HĐQT. Vì vậy, công tác quản trị tập trung hầu hết vào Hội đồng quản trị và trong tương lai, công ty sẽ thực hiện việc tái cấu trúc về tổ chức, về nhân sự và tiến tới thiết lập các tiêu ban hỗ trợ cho HĐQT trong một số hoạt động.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



(Handwritten signature in blue ink)

NGUYỄN THANH NGHĨA

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 43

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm trong năm</u>	<u>Miễn nhiệm trong năm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch (Thành viên không điều hành)		
Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên		
Ông Võ Thanh Lâm	Thành viên độc lập	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Sáu	Thành viên độc lập	Ngày 29 tháng 6 năm 2023	

Danh sách các thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm trong năm</u>	<u>Miễn nhiệm trong năm</u>
Ông Võ Thanh Lâm	Chủ tịch	-	Ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Sáu	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 7 năm 2023	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên	-	-

Danh sách các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Thu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thầy mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Dung

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Số: 507/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Lý Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.546.211.062.065	1.776.224.134.649
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	26.264.695.648	4.107.831.327
1. Tiền	111		26.264.695.648	4.107.831.327
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000	26.701.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000	26.701.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		393.996.431.234	485.880.763.728
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	340.718.012.917	377.943.648.532
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	57.650.578.651	106.359.363.005
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	16.669.330.480	23.493.438.055
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(21.113.796.352)	(21.992.940.052)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		72.305.538	77.254.188
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	1.122.900.759.649	1.240.195.761.656
1. Hàng tồn kho	141		1.122.900.759.649	1.240.195.761.656
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.048.175.534	19.338.777.938
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.028.512.742	2.610.262.664
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.989.518.505	16.698.370.987
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	30.144.287	30.144.287
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		526.593.374.702	592.385.530.795
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.152.500.005	2.230.591.187
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	2.152.500.005	2.230.591.187
II. Tài sản cố định	220		304.173.181.579	346.358.035.550
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	275.574.608.352	311.225.560.262
Nguyên giá	222		709.892.751.178	1.190.598.578.025
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(434.318.142.826)	(879.373.017.763)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.10	22.325.912.192	28.574.120.545
Nguyên giá	225		30.730.344.077	30.730.344.077
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.404.431.885)	(2.156.223.532)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	6.272.661.035	6.558.354.743
Nguyên giá	228		11.815.527.730	11.815.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.542.866.695)	(5.257.172.987)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		180.994.346.063	204.188.966.906
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	180.994.346.063	204.188.966.906
IV. Tài sản dài hạn khác	260		39.273.347.055	39.607.937.152
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	39.273.347.055	39.607.937.152
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.072.804.436.767	2.368.609.665.444

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.317.502.375.800	1.456.968.171.256
I. Nợ ngắn hạn	310		1.247.272.731.310	1.409.446.880.626
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	155.323.522.422	126.765.246.750
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	59.813.891.214	16.856.686.798
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	685.630.789	815.689.243
4. Phải trả người lao động	314		1.254.746.431	3.287.602.821
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	15.947.482.056	15.479.775.666
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	29.713.757.939	21.649.571.697
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	974.618.242.562	1.214.447.754.754
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.915.457.897	10.144.552.897
II. Nợ dài hạn	330		70.229.644.490	47.521.290.630
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	9.675.904.528	15.204.992.824
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		57.995.326.462	32.316.297.806
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		755.302.060.967	911.641.494.188
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	755.302.060.967	911.641.494.188
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		166.825.342.471	166.825.342.471
3. Cổ phiếu quỹ	415		(14.481.143.515)	(14.481.143.515)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		49.202.852.835	49.202.852.835
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.302.769.934	2.506.769.934
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(62.903.800.758)	93.231.632.463
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		93.231.632.463	245.881.789.319
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(156.135.433.221)	(152.650.156.856)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.072.804.436.767	2.368.609.665.444



Nguyễn Thanh Dung

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.972.528.403.687	1.613.986.903.890
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		934.058.037	1.477.462.011
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.971.594.345.650	1.612.509.441.879
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	2.007.329.257.797	1.574.105.954.993
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(35.734.912.147)	38.403.486.886
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.282.734.900	401.643.970
7. Chi phí tài chính	22	5.4	101.654.723.341	74.172.043.754
Trong đó, chi phí lãi vay	23		99.171.639.897	56.027.187.576
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	5.893.945.604	6.806.676.704
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	19.589.041.161	21.025.087.844
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(160.589.887.353)	(63.198.677.446)
11. Thu nhập khác	31	5.7	62.057.594.049	3.797.634.045
12. Chi phí khác	32	5.8	31.924.111.261	62.771.615.649
13. Lợi nhuận khác	40		30.133.482.788	(58.973.981.604)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(130.456.404.565)	(122.172.659.050)
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		25.679.028.656	30.477.497.806
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(156.135.433.221)	(152.650.156.856)
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(156.135.433.221)	(152.650.156.856)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	(2.575)	(2.518)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.5	(2.575)	(2.518)



Phê duyệt

Nguyễn Thanh Dung

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT

ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(130.456.404.565)	(122.172.659.050)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	46.708.728.260	122.641.966.530
Các khoản dự phòng	03		(879.143.700)	584.294.232
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.965.002.408	2.023.478.406
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(72.046.115.323)	(2.001.458.004)
Chi phí lãi vay	06	5.4	99.171.639.897	56.027.187.576
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(55.536.293.023)	57.102.809.690
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		193.577.411.259	(327.344.297.210)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		117.295.002.007	(233.940.372.238)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		81.418.897.739	(204.236.133.149)
(Tăng), giảm chi phí trả trước	12		1.916.340.019	(1.844.210.989)
Tiền lãi vay đã trả	14		(99.171.639.897)	(56.027.187.576)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(525.000.000)	(399.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		238.974.718.104	(766.688.391.472)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(488.259.545)	(15.245.597.765)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		700.000.000	30.762.611.759
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(78.030.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.700.000.000	51.330.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.615.892.573	87.372.375
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.527.633.028	(11.095.613.631)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 6, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	1.988.476.889.220	2.153.648.996.464
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(2.228.306.401.412)	(1.369.803.071.288)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.529.088.296)	(8.128.124.133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(245.358.600.488)	775.717.801.043
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		22.143.750.644	(2.066.204.060)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.107.831.327	5.630.071.014
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		13.113.677	543.964.373
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	26.264.695.648	4.107.831.327

**Nguyễn Thanh Dung****Phó Tổng Giám đốc***(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT ngày 4 tháng 11 năm 2020)*

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập

Lê Ngọc Khang**Người lập kiêm Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 03 năm 2022 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán là DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 05 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Địa chỉ	Ghi chú
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Trần Hưng Đạo, Khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	Đang tạm ngừng hoạt động đến 31/12/2023
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	Đang thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam	Đang hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	Thông Giáng Nam 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31/12/2023 là 87 (31/12/2022 là: 219).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm – kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép;
- Kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng;
- Sản xuất điện mặt trời, truyền tải và phân phối điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm công ty

Năm 2023, Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 2 công ty con trực tiếp. Trong năm, không có thay đổi cấu trúc của Nhóm công ty.

1.6. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Sản xuất sắt, thép, gang	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	7 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 6 năm.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể máy móc, thiết bị là 72 tháng.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước, ... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 36.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

3.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 (mười hai) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2012 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2021).

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Tôn, thép xuất khẩu: 0%
- Sản phẩm về tôn, thép: 10%
- Dịch vụ cho thuê: 10%
- Các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Cụ thể: Cụ thể, các hàng hoá, dịch vụ sau đây được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%:

- Tiền điện: 8%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	3.749.528.088	1.890.055.867
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.515.167.560	2.217.775.460
Cộng	26.264.695.648	4.107.831.327

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	12.211.769.659	13.368.687.865
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Bất động sản Thiên Lộc	172.987.513.242	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Đầu tư Thép An Bình	62.816.725.639	151.159.393.803
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Đầu tư Đức Long	31.784.410.375	137.176.538.261
PT Blue Steel Industries	8.406.314.067	8.406.314.067
Các khách hàng khác (*)	52.511.279.935	67.832.714.536
Cộng	<u>340.718.012.917</u>	<u>377.943.648.532</u>

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Bất động sản Thiên Lộc (*)	55.235.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Đầu tư Thép An Bình	-	103.654.524.901
Các nhà cung cấp khác	2.415.578.651	2.704.838.104
Cộng	<u>57.650.578.651</u>	<u>106.359.363.005</u>

(*) Là khoản trả trước cho người bán để mua các sản phẩm về tôn, thép.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	4.035.974.280	-	3.744.325.118	-
Phải thu khác liên quan đến giao hàng hóa cho Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Bất động sản Thiên Lộc	7.019.852.145	(948.102.080)	3.996.334.813	(948.102.080)
Thuế GTGT để nghị hoàn	21.763.694	-	2.003.338.210	-
Phải thu khác (*)	5.591.740.361	(1.147.955.939)	13.749.439.914	(1.147.955.939)
Cộng	16.669.330.480	(2.096.058.019)	23.493.438.055	(2.096.058.019)

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ

2.152.500.005

-

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải thu khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn.

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	29.520.110.419	8.406.314.067	30.766.782.145	8.773.842.093

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

Tại ngày 31/12/2023
VND

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
PT Blue Steel Industries Công ty TNHH SX TM	8.406.314.067	8.406.314.067	Trên 03 năm	8.406.314.067	8.406.314.067	Trên 03 năm
Thép Thành Chung Công ty TNHH SX TM	3.781.172.002	-	Trên 03 năm	3.781.172.002	-	Trên 03 năm
Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 03 năm	2.896.315.858	-	Trên 03 năm
Các khách hàng khác	14.436.308.492	-	Từ 01 năm đến trên 03 năm	15.682.980.218	367.528.026	Từ 01 năm đến trên 03 năm
Cộng	29.520.110.419	8.406.314.067		30.766.782.145	8.773.842.093	

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	282.622.843.542	-	236.859.821.704	-
Công cụ, dụng cụ	59.562.168.719	-	57.192.648.933	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.689.471.229	-	4.520.538.943	-
Thành phẩm	362.182.876.999	-	528.077.301.795	-
Hàng hóa	413.843.399.160	-	413.545.450.281	-
Cộng	1.122.900.759.649	-	1.240.195.761.656	-

Giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm với số tiền 63.584.789.100 VND đã được dùng để thế chấp, bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Xây dựng nhà xưởng và máy móc, dây chuyền sản xuất	159.230.100.711	177.431.037.370	159.230.100.711	177.431.037.370
Sửa chữa lớn tài sản cố định	21.764.245.352	26.757.929.536	21.764.245.352	26.757.929.536
Cộng	180.994.346.063	204.188.966.906	180.994.346.063	204.188.966.906

Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm cuối kỳ với số tiền 144.326.972.855 VND đã được dùng để thế chấp, bảo đảm các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	135.647.885.399	936.321.231.880	117.077.412.896	1.552.047.850	1.190.598.578.025
Mua trong năm	-	447.500.000	40.759.545	-	488.259.545
Đầu tư XDCB hoàn thành	22.282.768.591	-	-	-	22.282.768.591
Thanh lý, nhượng bán	-	(502.107.108.469)	(1.369.746.514)	-	(503.476.854.983)
Phân loại lại	-	(17.707.957.410)	17.707.957.410	-	-
Tại ngày 31/12/2023	157.930.653.990	416.953.666.001	133.456.383.337	1.552.047.850	709.892.751.178

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2023	66.520.841.591	755.973.683.879	55.335.847.136	1.542.645.157	879.373.017.763
Khấu hao trong năm	7.727.358.856	20.652.361.573	13.707.382.371	9.402.393	42.096.505.193
Thanh lý, nhượng bán	-	(486.272.116.710)	(879.263.420)	-	(487.151.380.130)
Phân loại lại	-	(5.312.387.232)	5.312.387.232	-	-
Tại ngày 31/12/2023	74.248.200.447	285.041.541.510	73.476.353.319	1.552.047.550	434.318.142.826

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2023	69.127.043.808	180.347.548.001	61.741.565.760	9.402.693	311.225.560.262
Tại ngày 31/12/2023	83.682.453.543	131.912.124.491	59.980.030.018	300	275.574.608.352

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình với số tiền 357.574.414 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 128.218.987.720 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	11.240.727.730	574.800.000	11.815.527.730
Tại ngày 31/12/2023	11.240.727.730	574.800.000	11.815.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	4.682.372.987	574.800.000	5.257.172.987
Khấu hao trong năm	285.693.708	-	285.693.708
Tại ngày 31/12/2023	4.968.066.695	574.800.000	5.542.866.695
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	6.558.354.743	-	6.558.354.743
Tại ngày 31/12/2023	6.272.661.035	-	6.272.661.035

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình với số tiền 5.026.574.937 VND đã được dùng để thế chấp, bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 574.800.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị
	VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2023	30.730.344.077
Tại ngày 31/12/2023	<u>30.730.344.077</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2023	2.156.223.532
Khấu hao trong năm	6.248.208.353
Tại ngày 31/12/2023	<u>8.404.431.885</u>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2023	28.574.120.545
Tại ngày 31/12/2023	<u>22.325.912.192</u>

Sau khi Nhóm công ty hoàn thành mọi nghĩa vụ theo các hợp đồng thuê, Bên Cho thuê sẽ bán lại tài sản cho thuê và chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho thuê cho Nhóm công ty.

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí thuê đất trả trước một (1) lần cho nhiều kỳ (*)	35.426.962.675	36.725.742.211
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.172.958.882	2.098.417.516
Các khoản khác	673.425.498	783.777.425
Cộng	<u>39.273.347.055</u>	<u>39.607.937.152</u>

(*) Tiền thuê đất trả trước là tiền thuê đất tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần III theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn thuê đến năm 2055.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê là 35.426.962.675 VND, đã được dùng để thế chấp cho khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	202.154.160	202.154.160	-	-
Phải trả cho người bán:				
Ouda Yicahng Machinery and Electrical Equipment Manufacture Co., Ltd	71.033.534.603	71.033.534.603	69.099.560.194	69.099.560.194
Công ty TNHH MTV Sản xuất Và Dầu tư Đức Long	26.474.359.093	26.474.359.093	-	-
Công ty TNHH Thép Thiên Long	19.391.127.400	19.391.127.400	-	-
Shenzhen One Touch Business	8.498.679.483	8.498.679.483	8.267.292.713	8.267.292.713
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	29.723.667.683	29.723.667.683	49.398.393.843	49.398.393.843
Cộng	155.323.522.422	155.323.522.422	126.765.246.750	126.765.246.750

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Đầu tư Đức Long	51.540.000.000	51.540.000.000	-	-
Ông Nguyễn Kế An	2.268.500.000	2.268.500.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khách hàng khác	6.005.391.214	6.005.391.214	11.856.686.798	11.856.686.798
Cộng	59.813.891.214	59.813.891.214	16.856.686.798	16.856.686.798

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	29.784.287	6.429.916	255.594.096	120.726.297	29.784.287	141.297.715
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	2.723.194.624	2.723.194.624	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	21.619.818	21.619.818	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	40.541.329	-	-	-	40.541.329
Thuế thu nhập cá nhân	-	41.351.822	124.508.978	129.318.323	-	36.542.477
Các loại thuế khác	360.000	597.307.722	6.000.000	6.000.000	360.000	597.307.722
Cộng	30.144.287	685.630.789	3.130.917.516	3.000.859.062	30.144.287	815.689.243

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí phải trả các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	11.609.535.291	11.239.468.101
Chi phí phải trả cho nhân viên	1.916.423.795	1.818.784.595
Các khoản trích trước khác	2.421.522.970	2.421.522.970
Cộng	15.947.482.056	15.479.775.666

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	507.159.792	-
Công ty Cổ phần Giấy Giao Long (*)	19.175.907.480	3.489.942.610
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.030.690.667	18.159.629.087
Cộng	29.713.757.939	21.649.571.697

(*) Là khoản phải trả khác liên quan đến việc hàng hóa đã nhận nhưng chờ kiểm tra chất lượng.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.17. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay và nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	969.072.050.992	969.072.050.992	1.710.742.389.220	1.950.571.901.412	1.208.901.563.184	1.208.901.563.184
Vay bên liên quan – Xem thêm Mục 8	17.103.274	17.103.274	277.734.500.000	277.734.500.000	17.103.274	17.103.274
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn phải trả	5.529.088.296	5.529.088.296	-	-	5.529.088.296	5.529.088.296
Cộng	974.618.242.562	974.618.242.562	1.988.476.889.220	2.328.204.339.055	1.214.447.754.754	1.214.447.754.754
Dài hạn:						
Nợ thuế tài chính	15.204.992.824	15.204.992.824	-	5.529.088.296	20.734.081.120	20.734.081.120
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn phải trả	(5.529.088.296)	(5.529.088.296)	-	-	(5.529.088.296)	(5.529.088.296)
Cộng	9.675.904.528	9.675.904.528	-	5.529.088.296	15.204.992.824	15.204.992.824
Tổng cộng	984.294.147.090	984.294.147.090	1.988.476.889.220	2.233.835.489.708	1.229.652.747.578	1.229.652.747.578

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KCN Sóng Thần:

Hạn mức vay:	+ Từ 05/05/2023 đến 30/06/2023: Tổng hạn mức là 240.000.000 VND (hai trăm bốn mươi tỷ VND);
	+ Từ 01/07/2023 đến 18/08/2023: Tổng hạn mức là 200.000.000 VND (hai trăm tỷ VND);
	+ Từ 14/11/2023 đến 31/12/2023: Tổng hạn mức là 250.000.000 VND (hai trăm năm mươi tỷ VND).
Thời hạn vay:	Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến hết ngày 14 tháng 11 năm 2023. Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ.
Lãi suất:	Theo từng giấy nhận nợ, dao động từ 7,5 – 8%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép, tôn cuộn các loại; Mở LC; Chiết khấu; Phát hành bảo lãnh và các hình thức cấp tín dụng khác.
Tài sản đảm bảo:	- Quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp các bên liên quan – Xem thêm Mục 8. - Dây chuyền máy móc – Xem thêm các Mục 4.7, Mục 4.8.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương:

Hạn mức vay:	360.000.000 VND.
Thời hạn vay:	Đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2024.
Lãi suất:	Theo từng giấy nhận nợ, dao động từ 7,7 – 9,0%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo:	Quyền sử dụng đất thuê và tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp – Xem thêm Mục 4.9.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp:

Hạn mức vay:	520.000.000 VND.
Thời hạn vay:	Đến hết ngày 5 tháng 7 năm 2024.
Lãi suất:	Theo từng giấy nhận nợ, dao động từ 8,2 – 10,5%/năm.
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo:	- Quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp – Xem thêm Mục 4.11 và Mục 8. - Toàn bộ hàng hoá là kẽm thỏi, sắt thép các loại (hoặc phế liệu) được nhập khẩu/ mua trong nước và thanh toán trực tiếp qua Sacombank – Xem thêm Mục 4.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay cá nhân, Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Chủ tịch HĐQT, được chi tiết như sau:

Thời hạn vay: 12 tháng.
Lãi suất: 0%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Khoản nợ thuế tài chính là khoản thuế tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam có thời hạn thuế 48 tháng, lãi suất thuế từ 8,28%/năm.

Các khoản nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

Tại ngày 31/12/2023
VND

	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	6.564.294.890	1.035.206.594
Trên 1 năm đến 5 năm	10.400.549.146	724.644.618
Cộng	16.964.844.036	1.759.851.212

Tại ngày 01/01/2023
VND

	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Thời hạn:				
Từ 1 năm trở xuống	7.016.021.406	5.529.088.296	1.486.933.110	5.529.088.296
Trên 1 năm đến 5 năm	16.964.844.036	9.675.904.528	1.759.851.212	15.204.992.824
Cộng	23.980.865.442	15.204.992.824	3.246.784.322	20.734.081.120

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng	
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quy khác của vốn chủ sở hữu VND		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2022	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	49.202.852.835	2.584.769.934	1.064.369.651.044
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(152.650.156.856)
Chi thù lao HĐQT và Ban KS 2021	-	-	-	-	(78.000.000)	(78.000.000)
Tại ngày 01/01/2023	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	49.202.852.835	2.506.769.934	911.641.494.188
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(156.135.433.221)
Chi thù lao HĐQT, UBKT, và Ban Kiểm toán nội bộ 2022	-	-	-	-	(204.000.000)	(204.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	49.202.852.835	2.302.769.934	755.302.060.967

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	292.207.130.000	292.202.130.000
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	118.632.890.000	118.632.890.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	78.999.520.000	78.999.520.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	62.443.780.000	62.443.780.000
Cổ đông khác	62.072.720.000	62.077.720.000
Cộng	614.356.040.000	614.356.040.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(804.620)	(804.620)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	60.630.984	60.630.984

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ	(156.135.433.221)	(152.650.156.856)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(156.135.433.221)	(152.650.156.856)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.630.984	60.630.984
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.575)	(2.518)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ	(156.135.433.221)	(152.650.156.856)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(156.135.433.221)	(152.650.156.856)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.630.984	60.630.984
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.575)	(2.518)

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	38.385,79	38.072,36

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa nội địa	1.928.288.759.045	1.544.938.492.403
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu	27.204.957.842	57.543.704.746
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.434.947.084	4.583.638.707
Doanh thu các lĩnh vực khác	4.599.739.716	6.921.068.034
Cộng	1.971.594.345.650	1.613.986.903.890

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

	3.284.578.577	61.293.231.629
--	---------------	----------------

Mặc dù giá bán trong năm 2023 giảm so với giá bán năm 2022 nhưng doanh thu năm 2023 tăng hơn 22% so với 2022 là do sản lượng bán ra tăng hơn 30,35% so với năm 2022.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa nội địa	1.979.449.416.442	1.531.929.438.674
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu	22.959.474.171	35.282.077.213
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.988.020.555	1.951.556.078
Giá vốn các lĩnh vực khác	2.932.346.629	4.942.883.028
Cộng	<u>2.007.329.257.797</u>	<u>1.574.105.954.993</u>

Giá vốn hàng bán năm nay tăng so với năm trước do sản lượng bán ra tăng như được thuyết minh trình bày ở Mục 5.1.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	2.071.589.664	87.372.375
Lãi chênh lệch tỷ giá	211.145.236	314.271.595
Cộng	<u>2.282.734.900</u>	<u>401.643.970</u>

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	99.171.639.897	56.027.187.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.483.083.444	18.144.856.178
Cộng	<u>101.654.723.341</u>	<u>74.172.043.754</u>

Chi phí tài chính năm nay tăng 37% so với năm trước là do năm nay Nhóm công ty vay nhiều hơn để bổ sung vốn lưu động làm cho lãi vay tăng.

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí quảng cáo	4.463.633.050	3.502.910.946
Chi phí vận chuyển và phí cho hàng xuất khẩu	69.673.517	709.703.895
Chi phí nhân viên	-	1.630.629.904
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.360.639.037	963.431.959
Cộng	<u>5.893.945.604</u>	<u>6.806.676.704</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	9.212.305.999	9.599.479.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.994.073.424	5.019.931.152
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(879.143.700)	584.294.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.058.419.498	3.082.977.337
Các khoản chi phí QLDN khác	3.203.385.940	2.738.405.351
Cộng	19.589.041.161	21.025.087.844

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	61.836.953.769	1.914.056.396
Các khoản thu nhập khác	220.640.280	1.883.577.649
Cộng	62.057.594.049	3.797.634.045

Thu nhập khác tăng so với năm trước do Công ty thanh lý dây chuyền sản xuất tẩy rửa, cán nguội, mạ lạnh và phương tiện vận tải do tài sản hoạt động không hiệu quả.

5.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí khấu hao của tài sản cố định tạm ngưng hoạt động	31.673.082.625	61.932.196.761
Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng	-	250.786.111
Các khoản khác	251.028.636	588.632.777
Cộng	31.924.111.261	62.771.615.649

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	902.804.429.820	1.312.831.603.379
Chi phí nhân công	13.830.741.818	24.175.715.129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.708.728.260	122.641.966.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.429.453.758	30.912.939.778
Chi phí khác bằng tiền	4.596.724.479	5.205.986.481
Cộng	988.370.078.135	1.495.768.211.297

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế xuất TNDN của từng công ty trong Nhóm công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN năm nay</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	20%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	15%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	20%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.988.476.889.220	2.153.648.996.464

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(2.228.306.401.412)	(1.369.803.071.288)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm công ty là sản xuất và kinh doanh sắt, thép. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức
2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
3. Ủy ban Kiểm toán, Ban Kiểm toán nội bộ
4. Bà Nguyễn Thanh Loan

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
 Nhân sự quản lý chủ chốt
 Kiểm soát viên
 Thành viên mật thiết trong gia đình của
 các nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm Mục 4.2:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	12.211.769.659	13.368.687.865
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn khác là các khoản chi hộ và tạm ứng, tiền lãi phải thu:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	3.221.610.371	3.371.312.798
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT	814.363.909	373.012.320
Cộng – Xem thêm Mục 4.4	4.035.974.280	3.744.325.118
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.12:		
Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	(202.154.160)	-
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.17:		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Chủ tịch HĐQT	(17.103.274)	(17.103.274)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT	(3.756.870.903)	(3.386.803.713)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Chủ tịch HĐQT	(7.552.082.184)	(7.552.082.184)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	(170.892.291)	(170.892.291)
Bà Nguyễn Thanh Loan	(129.689.913)	(129.689.913)
Cộng – Xem thêm Mục 4.15	(11.609.535.291)	(11.239.468.101)
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả ngắn hạn khác – tạm ứng chi phí hoạt động:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	(472.106.000)	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT	(35.053.792)	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.16	(507.159.792)	-
Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	3.284.578.577	61.293.231.629
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	126.692.120	6.199.041.750
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT:		
Vay tiền	277.734.500.000	343.468.926.385
Trả tiền vay	277.734.500.000	477.630.677.614
Cho mượn	50.712.500.000	-
Thu tiền từ cho mượn	50.902.500.000	-
Cho vay	(9.510.000.000)	-
Thu tiền từ cho vay	9.510.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)Cam kết bảo lãnh:

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT và Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Chủ tịch HĐQT đã dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KCN Sóng Thần và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp – Xem thêm Mục 4.17.

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ủy ban Kiểm toán, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Giám đốc của công ty mẹ trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	63.763.400
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch HĐQT	295.705.500	278.433.900
Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	359.789.500	384.253.800
Ông Võ Thanh Lâm	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (đến ngày 29/06/2023)	24.000.000	304.882.100
Ông Nguyễn Văn Sáu	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán kiêm thành viên HĐQT (từ ngày 26/07/2023)	-	-
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	151.248.100	262.847.500
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên Kiểm toán nội bộ	156.989.800	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Thu	Thành viên Kiểm toán nội bộ	163.645.000	-
Bà Nguyễn Thanh Loan	Bên liên quan	-	245.878.700
Cộng		1.223.377.900	1.540.059.400

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm công ty cho thuê kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 5 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	9.137.636.728	-

Tại ngày 31/12/2023, Nhóm công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	11.062.495.350	-
Trên 1 năm đến 5 năm	35.417.688.097	-
Cộng	46.480.183.447	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 1 tháng 3 năm 2023, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc đã quyết định tạm ngừng hoạt động sản xuất vì điều kiện khó khăn của nền kinh tế để chuyển sang chủ yếu là kinh doanh thương mại. Theo đó, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc đã cắt giảm đáng kể số lượng nhân viên trực tiếp sản xuất nên dẫn đến chi phí nhân viên của Nhóm Công ty giảm so với năm trước. Đồng thời, các nhân viên quản lý của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc đã được chuyển về Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc.

Ngoài ra, do Nhóm Công ty chuyển đổi mô hình kinh doanh từ sản xuất qua thương mại nên dẫn đến chi phí nguyên liệu sản xuất đầu vào của Nhóm Công ty giảm so với năm trước.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phê duyệt

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC**

Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập

Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng